

Số: 05/2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-BPC ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với khoản chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa thanh toán thì được áp dụng Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.

4. Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nội dung chi và mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH: 

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung

QUY ĐỊNH

Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 05./2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định chi tiết khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Các mức chi khác liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Điều 2. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù

1. Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 1.500.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.

2. Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.

3. Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.

4. Tiêu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia): 7.500.000 đồng/tiêu phẩm đã hoàn thành.

Điều 3. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban Chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch

1. Xây dựng đề cương

a) Xây dựng đề cương chi tiết

- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương;

- Cấp xã: 1.000.000 đồng/đề cương.

b) Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh;
- Cấp xã: 1.600.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh.
- 2. Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch
 - a) Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch
 - Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch;
 - Cấp xã: 2.400.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch.
 - b) Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến
 - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
 - Cấp xã: 400.000 đồng/báo cáo.
- 3. Tổ chức họp, tọa đàm góp ý
 - a) Chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi.
 - b) Thành viên dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- 4. Ý kiến tư vấn của chuyên gia: 500.000 đồng/văn bản.
- 5. Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch
 - a) Chủ tịch Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi.
 - b) Thành viên Hội đồng, thư ký: 150.000 đồng/người/buổi.
 - c) Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.
 - d) Nhận xét, phản biện của Hội đồng: 300.000 đồng/bài viết.
 - đ) Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng: 200.000 đồng/bài viết.
- 6. Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt): 500.000 đồng/bài viết.
- 7. Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch: 500.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt

- 1. Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 01 ngày).
- 2. Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt: 20.000 đồng/người/buổi.

Điều 5. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi

- 1. Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet
 - Thuê văn nghệ, diễn viên (mức chi đặc thù): 450.000 đồng/người/ngày.
- 2. Chi giải thưởng
 - a) Cuộc thi quy mô cấp tỉnh
 - Giải nhất:
 - + Tập thể: 13.500.000 đồng/giải thưởng;
 - + Cá nhân: 8.100.000 đồng/giải thưởng.
 - Giải nhì:
 - + Tập thể: 9.450.000 đồng/giải thưởng;

- + Cá nhân: 4.050.000 đồng/giải thưởng.
- Giải ba:
- + Tập thể: 6.750.000 đồng/giải thưởng;
- + Cá nhân: 2.700.000 đồng/giải thưởng.
- Giải khuyến khích:
- + Tập thể: 4.050.000 đồng/giải thưởng;
- + Cá nhân: 1.350.000 đồng/giải thưởng.
- Giải phụ khác: 670.000 đồng/giải thưởng.

b) Cuộc thi quy mô cấp xã

- Giải nhất:
- + Tập thể: 12.000.000 đồng/giải thưởng;
- + Cá nhân: 7.200.000 đồng/giải thưởng.
- Giải nhì:
- + Tập thể: 8.400.000 đồng/giải thưởng;
- + Cá nhân: 3.600.000 đồng/giải thưởng.
- Giải ba:
- + Tập thể: 6.000.000 đồng/giải thưởng;
- + Cá nhân: 2.400.000 đồng/giải thưởng.
- Giải khuyến khích:
- + Tập thể: 3.600.000 đồng/giải thưởng;
- + Cá nhân: 1.200.000 đồng/giải thưởng.
- Giải phụ khác: 600.000 đồng/giải thưởng.

Điều 6. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo: 75.000 đồng/báo cáo.
2. Báo cáo thống kê
 - a) Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo.
 - b) Cấp xã: 3.600.000 đồng/báo cáo.

Điều 7. Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở

1. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải)
 - a) Chi thù lao cho hòa giải viên (áp dụng đối với trường hợp hòa giải không thành theo Điều 27 Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13): 300.000 đồng/vụ, việc.
 - b) Chi thù lao cho hòa giải viên (áp dụng đối với trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13): 400.000 đồng/vụ, việc.

2. Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở.

3. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng. 